

Phụ lục 01

KINH PHÍ THỰC HIỆN TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 154/2025/NĐ-CP KHỎI XÃ (ĐỢT 5)

(Kèm theo Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: đồng

TT	Đơn vị	Kinh phí chi trả			Nguồn kinh phí chi trả			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Nguồn đơn vị chi trả	Nguồn NSNN cấp	
			Nghi hưu trước tuổi	Thôi việc ngay			Từ nguồn cải cách tiền lương của xã	Từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh
(1)	(2)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)
1	Xã Vạn Tường	1.045.641.976	1.045.641.976		1.045.641.976		1.045.641.976	
2	Phường Trà Câu	1.909.215.418	1.909.215.418		1.909.215.418			1.909.215.418
3	Xã Trà Giang	570.098.939	570.098.939		570.098.939			570.098.939
4	Xã Bình Minh	616.355.663	616.355.663		616.355.663			616.355.663
5	Phường Kon Tum	1.523.559.375	1.523.559.375		1.523.559.375			1.523.559.375
6	Xã Sơn Linh	558.330.908	558.330.908		558.330.908			558.330.908
7	Xã Sơn Tây Hạ	428.420.070	428.420.070		428.420.070			428.420.070
8	Xã Nghĩa Giang	617.877.517	617.877.517		617.877.517			617.877.517
9	Xã Ba Tô	365.100.372	365.100.372		365.100.372			365.100.372
	TỔNG CỘNG	7.634.600.238	7.634.600.238	0	7.634.600.238	0	1.045.641.976	6.588.958.262

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 154/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ ĐỢT 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có)		Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tiền lương tháng hiện hưởng (đồng)	Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Thời điểm tính gián biên chế	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Kinh phí để thực hiện tính gián biên chế (đồng)			
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+13+24	22	23	24
5	Huỳnh Nhân	07/9/1968	Đại học	Giáo viên	5,36	20/11/2023			32%	01-12-2024					35 năm	16.555.968	57 tuổi	01-10-2025	5 năm	620.848.800	413.899.200	82.779.840	124.169.760
III	XÃ TRÀ GIANG																			570.098.939	390.478.725	78.095.745	101.524.469
*	Trường THCS Nghĩa Thắng																						
6	Nguyễn Văn Huệ	06/9/1968	Cao đẳng sư phạm Toán	Giáo viên	4,89	01/01/2022			30%	01/01/2025	5%	01/01/2025			32 năm 10 tháng	15.619.149	57 tuổi	01/10/2025	5 năm	570.098.939	390.478.725	78.095.745	101.524.469
IV	XÃ BÌNH MINH																			616.355.663	410.903.775	82.180.755	123.271.133
*	Trường TH&THCSXã Bình Khương																						
7	Nguyễn Tấn Thành	12/06/1968	Cao đẳng	Giáo viên	4,89	01/07/2018			33%	01/01/2025	8%	01/01/2025			35 năm	16.436.151	57 tuổi 3 tháng	01/10/2025	4 năm 9 tháng	616.355.663	410.903.775	82.180.755	123.271.133
V	PHƯỜNG KON TUM																			1.523.559.375	897.646.230	233.145.900	392.767.245
*	Trường Mầm non Tuổi Thơ																						
8	Phạm Trọng Hạo	19/4/1967	Trung cấp Y tá	Nhân viên	3,48	01/01/2025			22%	01/01/2025					40 năm 02 tháng	9.934.704	58 tuổi 05 tháng	01/10/2025	3 năm 7 tháng	350.198.316	198.694.080	49.673.520	101.830.716
*	Trường THCS Trần Hưng Đạo																						

[illegible]

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có)		Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tiền lương tháng hiện hưởng (đồng)	Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Thời điểm tính gián biên chế	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	Kinh phí để thực hiện tính gián biên chế (đồng)			
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+13+24	22	23	24
14	Thới chiến	07/11/1967	Trung cấp	Giáo viên	4,06	01/07/2025			22%	01/01/2025					27 năm 8 tháng	11.590.488	57 tuổi 9 tháng	01/9/2025	4 năm 3 tháng	365.100.372	260.785.980	57.952.440	46.361.952
TỔNG CỘNG																				7.634.600.238	4.892.733.029	1.095.877.979	1.645.989.230